

**ĐẢNG ỦY XÃ THANH LỘC
VĂN PHÒNG**

*
Số 08 -QĐ/VPĐU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thanh Lộc, ngày 27 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025
của Văn phòng Đảng ủy

-
- Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;
 - Căn cứ Thông tư 1539/2017/TT-BTC ngày 29/12/2027 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam;
 - Căn cứ quy định số 3869-QĐ/VPTW, ngày 21/6/2019 của Văn phòng Trung ương Đảng về công khai dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước và tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản, các quỹ tại cơ quan, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam;
 - Căn cứ Quyết định số 1572/QĐ-UBND, ngày 29/9/2025 của UBND xã Thanh Lộc về việc phân bổ kinh phí chi ngân sách nhà nước năm 2025;
 - Xét đề nghị của kế toán Văn phòng Đảng ủy xã Thanh Lộc.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2026 của Văn phòng Đảng ủy xã Thanh Lộc (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Đảng ủy và các đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy,
- UBND xã,
- Phòng kinh tế xã,
- Ban xây dựng đảng,
- Ủy ban kiểm tra,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Đặng Thị Yếu Nhi

Đơn vị: Văn phòng Đảng ủy
Chương: 819

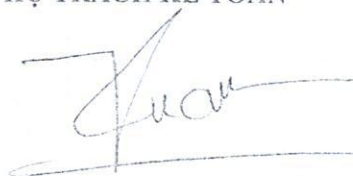
QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán số thu tại đơn vị	5.267	5.267	1.247	109	
1	Thu đảng phí được cân đối chi hoạt động	210	210			
2	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp					
3	Thu khác	181	181			
4	Kinh phí ngân sách NN cấp theo dự toán	4.876	4.876			
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.694	2.694	1.247		
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.425	1.425		109	
4.3	Kinh phí tiền thưởng	213	213			
4.4	Kinh phí tinh giản biên chế	544	544			
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	4.876	4.876	1.247	109	
I	Chi quản lý hành chính			1.247	109	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.694	2.694	1.247		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.425	1.425			
1.3	Kinh phí tiền thưởng	213	213		109	
1.4	Kinh phí tinh giản biên chế	544	544			
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
						
11	Chi Chương trình mục tiêu					
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)					
11.2						

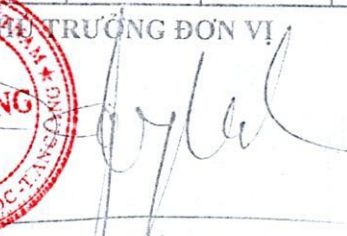
PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Bùi Kim Xuân



TRƯỞNG ĐƠN VỊ


Đặng Thị Yến Nhi